

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÓC MÔN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 876/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 26-8-2020

Về việc: Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Mộng Nghi

Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Vui - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1341/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2019 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 136/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Tri Ph, sinh năm 1969 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Đ, xã B, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh.

**Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp N, xã B, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Tri Ph trình bày:**

Sau một thời gian tìm hiểu, ông và bà Nguyễn Thị H tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Hóc Môn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 213 ngày 11/12/2000.

Thời gian đầu, vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vã. Ông cũng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hai vợ chồng ông đã sống ly thân từ đầu năm 2006 đến nay. Nay ông Ph xác định vợ chồng không còn yêu thương tôn trọng nhau, không thể hàn gắn trở về chung sống với nhau được. Do đó, ông Ph khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thành G sinh năm 1999 và Nguyễn Thành N sinh năm 1997 (đã trưởng thành), không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa ông Ph và bà H là tranh chấp về việc “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bà H có nơi cư trú tại huyện Hóc Môn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Ph và bà H nhưng bà H đều vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Ph và bà H tự nguyện tiến đến hôn nhân. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 213 ngày 11/12/2000 của UBND xã B, huyện Hóc Môn, có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Ph và bà H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của ông Ph: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định nhằm tạo điều kiện để ông Ph và bà H đoàn tụ với nhau nhưng ông Ph vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bà H, bà H vắng mặt không rõ lý do. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Ph và bà H đã trầm trọng, hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2006 đến nay, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Ph đối với bà H.

[5] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thành G sinh năm 1999 và Nguyễn Thành N sinh năm 1997 (đã trưởng thành), Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ph phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tri Ph được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.
2. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thành G, sinh năm 1999 và Nguyễn Thành N, sinh năm 1997 (đã trưởng thành).
3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Ph xác định không có.
4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Tri Ph phải chịu là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Ph đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2019/0008690 ngày 15/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Ông Ph đã nộp đủ.
5. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.
6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND Tp.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- UBND xã B, Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Mai**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÓC MÔN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

### **BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi ..... giờ ..... phút , ngày 20 tháng 11 năm 2019.

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Liên Quân**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Nguyễn Thị Kim Liên**.

2. Bà **Nguyễn Thị Tịnh Tâm**.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 946/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2018 về việc “Ly hôn”, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị Tới** - sinh năm 1964;

Địa chỉ: 115/6 ấp 1, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn Lùng** - sinh năm 1963;

Địa chỉ: 115/6 ấp 1, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất: 3/3.

### **1. Về điều luật áp dụng:**

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 147, Điều 203, Điều 235, Điều 264, Điều 266 và Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 19, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Kết quả biểu quyết 3/3.

### **2. Về nội dung:**

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Tới đối với ông Nguyễn Văn Lùng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Tới được ly hôn với ông Nguyễn Văn Lùng.

[3] Về con chung: Bà Phạm Thị Tới và ông Nguyễn Văn Lùng có 02 con chung tên Nguyễn Phương Dung, sinh năm 1989 và Nguyễn Phương Thảo, sinh năm 1992 đã trưởng thành và có khả năng lao động, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Tới xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Phạm Thị Tới phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Ngày 30/7/2019, bà Tới đã nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2019/0004538 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn được đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi ..... giờ ..... phút, ngày 20 tháng 11 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Kim Liên    Nguyễn Thị Tịnh Tâm**

**Nguyễn Liên Quân**